

# MỨC PHẠT TƯƠNG THÍCH - ĐẠI LƯỢNG CHUNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Phạm Văn Tinh\*

## Lời dẫn

Bài viết này đề cập đến một số khái niệm và phương pháp mới, những cái tạo thêm cơ sở để nhìn nhận, đánh giá và hoàn thiện Bộ luật Hình sự, đặc biệt là Phần các tội phạm. Vì là khái niệm mới, nên “cái vỏ” của nó, tức là tên gọi hay thuật ngữ để chỉ khái niệm đó có thể còn chưa chuẩn, còn có thể phải thay đổi cho phù hợp hơn. Nhưng mặt khái niệm, tức là nội dung cần biểu đạt, chúng tôi cho rằng đã đến lúc có thể công bố để được phản biện và áp dụng.

Từ những năm cuối của thế kỷ xx, khi nghiên cứu tình hình tội phạm (THTP) ở Việt Nam dưới góc độ tội phạm học, chúng tôi đã nhận thấy rằng, Bộ luật Hình sự (BLHS), đặc biệt là Phần các tội phạm cần được xem là một nguồn thông tin chính thức<sup>1</sup> phản ánh về tính chất (dự liệu) của THTP. Tại Phần các tội phạm của BLHS, một số cơ cấu, tức là một số đặc điểm định tính của THTP đã được dự liệu mà chúng tôi gọi là **cơ cấu dự liệu** (CCDL) của THTP. Sở dĩ như vậy là vì có những cơ sở thực tế sau đây:

- *Thứ nhất*, việc làm luật, sửa đổi Luật Hình sự ở nước ta đều được tiến hành trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế khách quan của xã hội, xem những hành vi xã hội nguy hiểm nào cần phải quy định là tội phạm và xác định hình phạt phù hợp với hành vi đó, tức là áp dụng nguyên tắc “Nulla...” và “Nullum...”;

- *Thứ hai*, để phân loại tội phạm, các nhà làm luật đã sử dụng đại lượng chung là hình

phạt. Luật Hình sự các nước, trong đó có cả nước ta (BLHS 1985 có hiệu lực cho đến năm 1999) quy định 2 loại tội phạm là nghiêm trọng và ít nghiêm trọng. BLHS năm 1999 của Việt Nam có một bước chuyển mới, đã quy định 4 loại tội phạm là: Ít nghiêm trọng; nghiêm trọng; rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng;

- *Thứ ba*, để phân biệt giữa các loại tội phạm, Luật Hình sự hiện hành của Nhà nước ta lấy “mức cao nhất của khung hình phạt” để quy định;

- *Thứ tư*, để áp dụng hình phạt, khoản 3 Điều 28 BLHS 1999 quy định: “Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính...”.

Như vậy, từ việc nghiên cứu tội phạm học mà cụ thể là nghiên cứu Cơ cấu dự liệu của tình hình tội phạm, chúng tôi thấy có cơ sở để tiếp cận lĩnh vực lập pháp hình sự, tức là xác định cho được một **đại lượng** hình phạt phù hợp để đo lường các loại tội phạm trong BLHS, cũng như để quy định đối với từng tội danh của Phần các tội phạm hoặc để xác định hình phạt đối với một hành vi phạm tội khi làm cáo trạng. Trong BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đại lượng đang được sử dụng là các hình phạt chính (cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình). Điều này đã chính xác chưa?

Và việc quy định: “Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính...” có cần phải chỉnh sửa để đạt mức độ chính xác cao hơn không? Điều này cũng cần đến đại lượng đã nêu.

Mặt khác, khi đã xác định được một đại lượng hình phạt phù hợp, thì **phương pháp**

\* PGS.TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

<sup>1</sup> Xem: Phạm Văn Tinh (2007). Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam. Nxb. Tư Pháp.

lượng hoá toàn bộ Phần các tội phạm của BLHS coi như cũng đã tìm ra, tức là việc mô hình hoá Phần các tội phạm đã được giải quyết.

Với cách tiếp cận như vậy, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu Phần các tội phạm của BLHS qua các lần sửa đổi, bổ sung và thấy rằng, đại lượng cần tìm ở đây có thể gọi là “**cấu thành hình phạt**” và chúng tôi đã sử dụng thuật ngữ này từ năm 2004<sup>2</sup>. Nhưng nay, được nhiều đồng nghiệp góp ý, nên chúng tôi xin phép đổi thành “**mức phạt tương thích**”.

Về bản thân khái niệm đã nêu và giá trị hữu dụng của nó, chúng tôi xin trình bày bằng hai nội dung cụ thể trong bài viết này.

### 1. Mức phạt tương thích

Bằng việc nghiên cứu thực tế quy định tại các BLHS ở nước ta cho đến nay, chúng tôi thấy rằng, nhà làm luật đã sử dụng hình phạt chính làm đại lượng chung để quy định thành nguyên tắc: “Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính...”. Trong khi đó, hình phạt chính (gồm cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình) chưa phải là đại lượng nhỏ nhất, tương thích nhất để quy định mức phạt đối với mỗi hành vi phạm tội trong từng tội danh. Còn khung hình phạt cũng chưa phải là đại lượng ổn định và nhỏ nhất. Điều và khoản cũng đã có tác giả sử dụng làm đại lượng để tính toán, song không tạo được chỉnh thể và thiếu nhất quán. Vậy đại lượng cần tìm ở đây là gì và tìm ở đâu?

Câu trả lời của chúng tôi là **mức phạt tương thích** và tìm thấy ở ngay khoản 3, Điều 8 BLHS hiện hành. **Mức phạt tương thích** (MPTT) chính là đại lượng chung và chính xác hơn cả để quy định loại tội phạm và đo lường toàn bộ Phần các tội phạm. Mỗi

loại tội phạm bao hàm, và chỉ bao hàm các MPTT như sau:

+ Loại tội phạm ít nghiêm trọng bao gồm các mức phạt: Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất hoặc tù đến 3 năm, tức là 5 MPTT;

+ Loại tội phạm nghiêm trọng chỉ có một mức phạt là tù từ trên 3 năm đến 7 năm;

+ Loại tội phạm rất nghiêm trọng cũng chỉ bao hàm 1 MPTT là tù từ trên 7 năm đến 15 năm;

+ Loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng bao hàm 3 MPTT là: tù trên mười lăm năm; tù chung thân hoặc tử hình.

Như vậy, tổng cộng có 4 loại tội phạm và 10 MPTT để thiết kế toàn bộ Phần các tội phạm của BLHS. Hình phạt trục xuất, chúng tôi không tính đến và tại Phần các tội phạm cũng không sử dụng, vì lý do đặc biệt của nó. Cho nên số MPTT được sử dụng còn lại là 9.

Vì các MPTT đã nêu đều thuộc hình phạt chính và theo quy định tại khoản 3 Điều 28 BLHS hiện hành, thì khi xây dựng các tội danh, nhà làm luật chỉ nên sử dụng một trong 9 MPTT đó. Nguyên tắc này cũng nên được sử dụng khi làm cáo trạng. Như vậy sẽ sát thực hơn mà yếu tố tùy nghi vẫn còn được giữ lại. Tư tưởng này dẫn đến đề xuất phải sửa đổi khoản 3 Điều 28 BLHS 1999 từ quy định: “Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và...” thành: “**Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một mức phạt tương thích và...**”.

Tóm lại, MPTT là đại lượng chung và nhỏ hơn cả của hình phạt chính, được dùng để đo lường mức độ nguy hiểm cụ thể đối với từng tội danh. Số lượng MPTT trong BLHS 1985 là 7, còn hiện nay là 10. Để bảo đảm các giá trị vốn có của Luật Hình sự Việt Nam, khi thiết kế chế tài cho từng tội danh, các nhà làm luật chỉ nên chọn lựa các MPTT đang hiện hành để quy định cho nhất quán,

<sup>2</sup> Phạm Văn Tĩnh. Nghiên cứu tình hình tội danh dưới góc độ tội phạm học. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 11/2004, tr. 71-79.

không nên quy định kiểu “phá mức” như “..., thì bị phạt tù từ hai năm đến tám năm”.

**2. Cơ cấu dữ liệu của tình hình tội phạm hay phương pháp lượng hoá Phần các tội phạm của BLHS bằng MPTT**

Xuất phát từ những tư tưởng thực tế mang tính nguyên tắc và quan niệm về MPTT như đã trình bày tại mục 1 chúng tôi cho rằng, trong BLHS đã hàm chứa một số cơ cấu, trong đó có cơ cấu của tình hình tội phạm xét theo hình phạt và cơ cấu này đương nhiên chỉ là cơ cấu dữ liệu. Thế nhưng, nó lại có chức năng quan trọng là **cụ thể hoá chính sách hình sự** của mỗi quốc gia về các loại tội phạm, về mức độ sử dụng hình phạt (tù hay không tù, hoặc tăng, hoặc giảm từng loại hình phạt này). Vì thế, xét dưới góc độ tội phạm học, BLHS cần phải được xem như một nguồn thông tin chính thức về những đặc điểm định tính của tình hình tội phạm như tỷ lệ của từng MPTT; tỷ lệ giữa hình phạt tù và không tù; tỷ lệ giữa các loại tội phạm đã được quy định trong Bộ luật. Những tỷ lệ này, đến lượt nó lại là cơ sở để xác định xem chính sách hình sự của Nhà nước có được triển khai đúng với yêu cầu đã được đề ra từ trước hay không, tức là có

những cơ sở định lượng cụ thể để hoàn thiện hoá pháp luật hình sự.

Phương pháp này cũng tạo ra cơ sở để thực hiện việc so sánh luật của nước này với nước khác. Nó đặc biệt phù hợp và rất cần thiết cho những nước mà pháp luật hình sự phải thường xuyên thay đổi, bổ sung như nước ta.

Áp dụng phương pháp đã nêu, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu BLHS của Việt Nam ở ba thời điểm khác nhau:

- BLHS 1985 khi mới ban hành;
- BLHS 1999;
- BLHS 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS 2009).

Việc nghiên cứu đã được tiến hành ở hai mức độ : khái quát và chi tiết.

**2.1. Mô hình lượng hoá khái quát Phần các tội phạm của BLHS**

**2.1.1. Nghiên cứu phản ánh (mô tả)**

Kết quả cụ thể của việc nghiên cứu này được thể hiện tại các Bảng 1, 2, 3 và tổng hợp xử lý tại Bảng 4, trong đó các Bảng 1, 2 và 3 có thể được xem là mô hình lượng hoá khái quát Phần các tội phạm của BLHS ở các thời điểm khác nhau trên cơ sở tính toán các MPTT.

**Bảng 1. Cơ cấu dữ liệu của tình hình tội phạm xét theo hình phạt ở thời kỳ BLHS 1985 khi mới ban hành (Đơn vị tính là MPTT được quy định trong từng tội danh và tổng cộng có 512 MPTT)**

Các chương (viết tắt là C)	Hình phạt chính với các MPTT						
	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù đến 5 năm	Tù trên 5 năm	Tù chung thân	Tử hình
C1	1	3	2	7	26	16	13
C2	6	0	12	15	9	2	2
C3	9	1	9	9	1	0	0
C4	3	0	5	9	10	5	4
C5	4	0	4	6	2	0	0
C6	2	0	4	9	9	1	1

C7	2	1	15	21	12	3	1
C8	9	1	23	30	19	1	0
C9	2	0	6	8	6	2	0
C10	3	0	16	17	8	0	0
C11	1	0	20	22	22	4	4
C12	0	0	0	0	4	4	4
<b>Tổng số</b>	<b>42</b>	<b>6</b>	<b>116</b>	<b>153</b>	<b>128</b>	<b>38</b>	<b>29</b>
<b>%</b>	<b>8,20</b>	<b>1,17</b>	<b>22,66</b>	<b>29,88</b>	<b>25,00</b>	<b>7,42</b>	<b>5,66</b>

**Bảng 2. Cơ cấu dữ liệu của tình hình tội phạm xét theo hình phạt ở thời BLHS 1999 khi mới ban hành với tổng cộng 906 MPTT**

BLHS 1999	Hình phạt chính với các MPTT								
	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù đến 3 năm	Tù trên 3 năm đến 7 năm	Tù trên 7 đến 15 năm	Tù trên 15 năm	Tù chung thân	Tử hình
C11	0	0	0	0	4	13	12	19	7
C12	7	0	12	17	19	14	9	7	3
C13	8	2	10	10	2	1	0	0	0
C14	1	1	8	8	10	10	9	8	2
C15	6	0	6	6	1	0	0	0	0
C16	3	18	18	19	22	15	6	3	3
C17	0	9	9	8	10	6	0	0	0
C18	0	1	0	2	10	8	6	6	3
C19	1	30	34	28	50	45	15	8	2
C20	6	7	14	18	14	2	1	0	0
C21	1	0	5	3	13	11	8	5	3
C22	3	0	11	16	19	12	0	0	0
C23	1	0	19	12	20	16	5	5	3
C24	0	0	0	0	0	1	4	4	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>37</b>	<b>68</b>	<b>146</b>	<b>147</b>	<b>194</b>	<b>154</b>	<b>75</b>	<b>56</b>	<b>29</b>
<b>%</b>	<b>4,08</b>	<b>7,50</b>	<b>16,11</b>	<b>16,22</b>	<b>21,41</b>	<b>17,0</b>	<b>8,28</b>	<b>6,18</b>	<b>3,20</b>

**Bảng 3. Cơ cấu dữ liệu của tình hình tội phạm xét theo hình phạt ở giai đoạn BLHS 1999 (sửa đổi 2009) với tổng cộng 935 MPTT**

BLHS 1999 (sửa đổi 2009)	Hình phạt chính với các MPTT								
	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù đến 3 năm	Tù trên 3 năm đến 7 năm	Tù trên 7 đến 15 năm	Tù trên 15 năm	Tù chung thân	Tử hình
C11	0	0	0	0	4	14	12	10	7
C12	7	0	12	17	19	14	9	7	2
C13	8	1	9	9	2	1	0	0	0
C14	1	1	8	9	11	10	9	8	1
C15	6	0	6	6	1	0	0	0	0
C16	3	24	24	25	27	15	7	3	1
C17	0	10	10	7	11	8	0	0	0
C18	0	1	0	1	9	8	6	6	2
C19	1	32	33	25	53	51	16	10	2
C20	6	7	14	18	14	2	1	0	0
C21	1	0	5	3	13	11	8	5	2
C22	3	0	11	16	19	12	0	0	0
C23	1	0	19	12	20	16	5	5	2
C24	0	0	0	0	0	1	4	4	3
<b>T.cộng</b>	<b>37</b>	<b>76</b>	<b>151</b>	<b>148</b>	<b>203</b>	<b>163</b>	<b>77</b>	<b>58</b>	<b>22</b>
<b>%</b>	<b>3,96</b>	<b>8,13</b>	<b>16,15</b>	<b>15,83</b>	<b>21,71</b>	<b>17,43</b>	<b>8,23</b>	<b>6,20</b>	<b>2,35</b>

Bảng 4. Cơ cấu dữ liệu của THPT xét theo hình phạt qua các thời kỳ của BLHS

Cơ cấu của THPT	Loại tội phạm (%)				Hình phạt (%)		Tổng MPTT
	Ít nghiêm trọng		Nghiêm trọng		Tù*	Không tù	
CCDL 1985	61,91		38,09		62,30	32,03	512
CCDL 1997	54,39		45,61		63,68	28,07	570
	Ít nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng	Đặc biệt nghiêm trọng	Tù	Không tù	MPTT
CCDL 1999	43,93	21,41	17,0	17,66	69,09	27,71	906
CCDL 2009	44,07	21,71	17,43	16,78	69,41	28,24	935

\* "Tù" không bao hàm hình phạt tử hình

**Nhận xét trên cơ sở số liệu của các Bảng từ 1 đến 4:**

Từ kết quả nghiên cứu đã được trình bày cô đọng trong các Bảng từ 1 đến 4 chúng tôi có thể nêu ra một số nhận xét sau đây:

*Thứ nhất*, sử dụng đại lượng nghiên cứu khác nhau sẽ cho ra nhận xét khác nhau về cùng một khách thể nghiên cứu (ở đây là BLHS) và hệ lụy sẽ không phải là nhỏ, đặc biệt trong tình hình hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay. Tỷ lệ giữa hình phạt tù và không tù cần phải được xác định chính xác nhất. Đại lượng “Mức phạt tương thích” rõ ràng phù hợp để thoả mãn nhu cầu bức thiết này;

*Thứ hai*, tỉ phần của các MPTT ở từng tội danh, ở từng chương cũng như ở toàn bộ Phần các tội phạm của BLHS là hoàn toàn có thể thay đổi được và kết quả của sự thay đổi đó sẽ làm cho tính chất của tình hình tội phạm trong dữ liệu thay đổi theo hướng phù hợp hơn với thực tế (của THTP), hoặc theo hướng chỉ đạo của chính sách hình sự ở từng thời kỳ lịch sử;

*Thứ ba*, bằng đại lượng MPTT, Phần các tội phạm của BLHS hoàn toàn có thể mô hình hoá được, tức là lượng hoá được. Đây chính là một phương tiện giúp các nhà làm luật có thể kiểm tra được sản phẩm của mình một cách dễ dàng và chính xác để điều chỉnh theo hướng tối ưu hoá;

*Thứ tư*, mô hình hoá Phần các tội phạm của BLHS còn là một phương tiện giúp cho việc thực hiện phương pháp “Luật so sánh” một cách dễ dàng;

*Thứ năm*, sử dụng đại lượng MPTT, các thẩm phán cũng như các công tố viên sẽ dễ dàng hơn trong việc lượng hình khi làm cáo trạng hay khi xét xử.

**2.1.2 Nghiên cứu so sánh**

Sử dụng mô hình cơ cấu dữ liệu của tình hình tội phạm xét theo hình phạt (như đã trình bày ở mục trên), chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực tế của tình hình tội phạm trên cơ sở số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân tối cao qua từng giai đoạn. Kết quả cụ thể của việc nghiên cứu này được khái quát trình bày tại Bảng 5.

**Bảng 5: Cơ cấu dữ liệu và cơ cấu thực tế của tình hình tội phạm xét theo hình phạt của giai đoạn trước "đổi mới" và giai đoạn hiện nay**

Cơ cấu của THTP	Loại tội phạm		Hình phạt		100%
	ít nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Tù	Không tù	
CCDL 1985	61,91	38,09	62,30	32,03	512 MPTT
CCDL 1997	54,39	45,61	63,68	28,07	570 MPTT
THTP 1986-1988	92,76	7,24	63,77	35,78	98.161 (bị cáo)
THTP 1997-1999	70,55	29,45	77,23	22,39	217.448 (bị cáo)

	ít nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng	Đặc biệt nghiêm trọng			
CCDL 1999	43,93	24,41	17,0	17,66	69,09	27,71	906 MPTT
THTP 2001 - 2003	49,61	37,93	10,31	2,15	78,59	21,16	187.073 (bị cáo)
THTP 2004 - 2006	74,73	15,42	7,72	2,05	72,83	26,88	244.322 (bị cáo)
THTP 2006 - 2008	76,54	14,87	6,46	2,04	70,07	29,65	282.237 (bị cáo)
THTP 2004 - 2008	75,70	15,14	7,06	2,02	71,40	28,52	436.839 (bị cáo)

Vì mục đích của bài viết này không tuân tụy tội phạm học, cho nên chúng tôi chỉ nêu ra nhận xét chung có ý nghĩa lập pháp hình sự trên cơ sở thông tin do Bảng 4 và Bảng 5 cung cấp, như sau:

*Một là*, tỉ lệ giữa các loại tội phạm cũng như tỉ lệ giữa hình phạt tù và không tù được phản ánh trong Bảng 4 diễn ra theo chiều tăng của tính nguy hiểm của tình hình tội phạm dự liệu. Mức tăng này (gồm cả chiều tăng của hình phạt tù và chiều giảm của hình phạt không tù) cho đến nay là hoàn toàn ngẫu nhiên. Thế nhưng, nếu từ nay, các nhà làm luật áp dụng phương pháp lượng hoá như đã trình bày, thì hoàn toàn có thể chủ động điều chỉnh được;

*Hai là*, mức độ tương thích giữa dự liệu (luật) và thực tế của tình hình tội phạm ngày một tăng. Mối liên hệ này cho đến nay tuy

chưa rõ ràng, song có thể ý thức được, tức là điều chỉnh được khi các phương tiện pháp lý hình sự được phát triển nhiều thêm nữa;

*Ba là*, phương pháp lượng hoá Phần các tội phạm của BLHS như đã trình bày hoàn toàn có thể sử dụng như một phương tiện để hoàn thiện hóa Phần này.

### 2.2. Mô hình lượng hoá chi tiết Phần các tội phạm của BLHS

Tất cả các chương thuộc Phần các tội phạm của BLHS 2009 đã được triển khai nghiên cứu theo phương pháp lượng hoá bằng đại lượng “Mức phạt tương thích”. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi xin chỉ trình bày một chương để minh hoạ: Chương XVI- Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế-Bảng 6.

**Bảng 6. Minh họa cách lượng hoá từng tội danh bằng MPTT đối với C16 – Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế**

Điều luật	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù đến 3 năm	Tù từ trên 3 năm đến 7 năm	Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	Tù trên 15 năm	Tù chung thân	Tử hình	Cộng MPTT
153		1		1	1	1	1	1	0	6
154		1	1	1	1	1				5
155		1			1	1				3
156					1	1				2
157					1	1	1	1	1	5
158		1			1	1				3
159		1	1	1						3
160		1			1	1				3
161 (sửa)		1	1	1	1					4
162	1	1	1	1	1					5
163		1	1	1						3
164		1		1	1					3
164a		1	1	1	1					4
164b		1	1	1	1					4
165			1		1	1	1			4
166			1		1	1				3
167			1	1						2
168		1	1	1						3
169	1		1	1	1					4
170			1	1	1					3
170a		1	1	1						3
171 (sửa)		1	1	1						3
172	1	1		1		1				4
173		1	1	1	1					4
174 (sửa)			1	1	1	1				4
175		1	1	1		1				4
176			1	1	1		1			4



177		1	1	1	1					4
178		1	1	1	1					4
179		1			1	1	1			4
180					1	1	1	1		4
181					1	1	1			3
181a		1	1	1	1					4
181b		1	1	1	1					4
181c		1	1	1	1					4
<b>35 hành vi phạm tội</b>	<b>3</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>27</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>129</b>

Trong Bảng 6, mỗi chữ số 1 là một MPTT. Và như vậy, nhìn vào Bảng này, người ta dễ dàng nhận ra điều hợp lý và bất hợp lý. Tính liên tục của các MPTT và sự bắt đầu của phần chế tài (bắt đầu với MPTT nào) là những cơ sở để nhận xét về tính hợp lý cũng như để hoàn thiện việc quy định phần chế tài trong từng tội danh. Bản chất pháp luật hình sự của Nhà nước ta là nhân đạo. Trong điều kiện nhất định, khi cần tăng tính nhân đạo thêm một bước, thì có thể chỉ cần kéo lùi sự bắt đầu của các MPTT sang phía trái một bước (đối với những tội danh còn có bước lùi) và bảo đảm tính liên tục của các MPTT tiếp theo. Hoặc do tình hình thực tế yêu cầu tăng tính nghiêm khắc của chế tài đối với một số tội phạm nhất định, thì thao tác sẽ ngược lại, tức là đẩy các MPTT tiến thêm một bước sang bên phải. Tính liên tục

của các MPTT luôn phải được bảo đảm. Trong Phần các tội phạm của BLHS 1999 và 2009 đang có rất nhiều tội danh vi phạm tính liên tục này. Ngay trong Bảng 6 đã cho thấy một loạt tội danh mà trong đó các MPTT bị ngắt quãng một cách vô lý (Xem các điều:155; 158; 160; 165; 166; 175; 176; 179... trong Bảng 6) và trong rất nhiều tội danh ở các chương khác, phần chế tài đã không vận dụng nhất quán các MPTT.

Tóm lại, bài viết đã cung cấp một phương tiện pháp lý mới để đánh giá hiện trạng BLHS, đặc biệt là Phần các tội phạm và trên cơ sở đó có thể thực hiện việc hoàn thiện BLHS một cách dễ dàng hơn, chủ động hơn. Sử dụng đại lượng MPTT, các thẩm phán, công tố viên cũng dễ dàng hơn, có cơ sở hơn trong việc xác định mức phạt cụ thể đối với người phạm tội.